

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 9 - 2020

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quốc Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Quốc Tuấn;

2. Ông Nguyễn Văn Kiệm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:**  
Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số nhà 26, Tổ dân phố 3, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:*

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn H là tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/9/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện D (nay là phường H, thị xã D), tỉnh Hà Nam.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày; nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là về tiền bạc, kinh tế nên vợ chồng xảy ra cãi nhau căng thẳng, anh H nhiều lần dùng tay đánh, tát và bóp cổ chị. Đến ngày 28, 29 Tết âm lịch năm

2017, vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh H bảo chị làm đơn ly hôn để anh H kí, sau đó vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- *Về con chung*: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 30/7/2016, do chị đang nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Nếu vợ chồng ly hôn, chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác*: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn H; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do; chị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

*\* Tại phiên toà:*

- Nguyên đơn chị Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Xuân H, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị T và anh H theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 30/7/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Phạm Thị T cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Văn H không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn ngày 14/9/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện D (nay là phường H, thị xã D), tỉnh Hà Nam.

Chị T cho rằng: Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc trong gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Kể từ tết âm lịch năm 2017, vợ chồng sống ly thân cho tới nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh H.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và nơi cư trú của anh H, ghi ý kiến của bà Thiều Thị M (mẹ đẻ anh H), đều xác định nguyên nhân vợ chồng chị T, anh H như ý kiến của chị T trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H không hợp tác làm việc, không tham gia hoà giải, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Thảo là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 30/7/2016, do chị T đang nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Hiền phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu H ở với mẹ, cuộc sống ổn định. Hiện nay chị T đang làm công nhân, thu nhập trung bình 5.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chung chưa thành niên khi vợ chồng ly hôn; anh H không quan tâm, chăm sóc con chung và cũng không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn H.

**2.** Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 30/7/2016, cho chị Phạm Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu Hoà đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

**3.** Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003692 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Quốc Huy**